

Liên kết “4 nhà” trong sản xuất nông nghiệp: Lý thuyết – thực tiễn

Ths. Nguyễn Thị Kim Chi

Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội

Email: chi.kkte@gmail.com

PGS.TS Đoàn Thị Thu Hà

Đại học Kinh tế Quốc dân

Những thăng trầm của hàng nông sản thời gian qua đã chứng tỏ việc xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ trong nông nghiệp là hướng đi cần thiết và đúng đắn. Thiếu liên kết một cách bài bản trong chuỗi sản xuất, tiêu thụ là nguyên nhân dẫn đến hàng nông sản ứ ứ, rớt giá. Liên kết sản xuất phát huy sức mạnh tổng hợp của “4 nhà”, tận dụng hiệu quả tiềm năng, lợi thế của từng địa phương tạo ra ngày càng nhiều sản phẩm có giá trị cao. Thông qua liên kết sản xuất nông nghiệp, nông sản Việt Nam tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Nhà khoa học có thể trực tiếp phục vụ nông dân, nông thôn, áp dụng hiệu quả tiến bộ kỹ thuật, gắn khoa học với sản xuất nông nghiệp. Tăng cường sự liên kết hỗ trợ lẫn nhau giữa các nhà doanh nghiệp hướng vào mục tiêu, đối tượng chung là phục vụ sản xuất nông nghiệp, tạo cơ hội cho nhà dân được hợp tác với các nhà khoa học, nhà quản lý, nhà doanh nghiệp.

Từ khóa: liên kết “4 nhà”, liên kết sản xuất, liên kết doanh nghiệp và nhà nông, liên kết nhà nông và nhà khoa học.

1. Nhận thức chung về mô hình liên kết “4 nhà” (quan hệ lợi ích, trách nhiệm, nghĩa vụ)

1.1. Mục đích chung của mô hình liên kết “4 nhà”

Phát huy sức mạnh tổng hợp, tận dụng hiệu quả các tiềm năng và lợi thế so sánh về sản xuất nông nghiệp tạo ra chuỗi giá trị cao, tăng cạnh tranh, xuất khẩu lớn và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

Tăng cường cải tiến quản lý nhà nước cải cách hành chính. Đưa nền hành chính phục vụ nhân dân, các chính sách hợp lòng dân, phát triển khoa học gắn với sản xuất nông nghiệp, tạo cầu nối đưa nhà khoa học đến với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Tăng cường sự liên kết hỗ trợ lẫn nhau giữa các nhà doanh nghiệp hướng vào mục tiêu, đối tượng chung là phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Qua đó tạo điều kiện để các doanh nghiệp ổn định, phát triển hiệu quả.

Phương thức hành động không chỉ liên kết song phương (từng nhà riêng biệt với nhà nông) mà còn

liên kết tổng hợp, tác động qua lại giữa các “nhà” với nhau, hỗ trợ cho mỗi nhà thực hiện tốt vai trò, chức năng hoạt động của mình.

1.2. Nguyên tắc chung trong mô hình liên kết

Với Nhà nước: Ban hành cách chính sách, quản lý vĩ mô về kinh tế như: tập trung dân chủ, phân công phân cấp mạnh cho cấp dưới và cơ sở kinh doanh; vận dụng có hiệu quả các qui luật khách quan, đặc biệt là các quy luật, phạm trù của kinh tế thị trường; hiệu quả kinh tế; kết hợp hài hòa các lợi ích nhà nước, tập thể, cá nhân người lao động, trong đó lợi ích cá nhân người lao động là động lực trực tiếp...

Với các “nhà” khác: Tuân thủ pháp luật; thích nghi với thị trường; tự nguyện, bình đẳng, dân chủ, hiệu quả kinh doanh và cùng có lợi.

1.3. Các loại hình liên kết

Theo mục tiêu và thời gian liên kết: Liên kết thường xuyên (ví dụ nhà nông liên kết với Nhà nước, với ngân hàng...); Liên kết dài hạn (Từ 1 năm trở lên); Liên kết ngắn hạn (dưới 1 năm).

Theo phạm vi hoạt động: Liên kết toàn diện (toàn

bộ sản xuất kinh doanh theo chiến lược, kế hoạch kinh doanh của nhà nông); Liên kết từng bộ phận, từng dự án, chương trình cụ thể trong sản xuất kinh doanh.

Theo đối tượng liên kết: Liên kết của 4 “Nhà”; Liên kết một vài nhà nào đó (liên kết các nhà) tùy theo yêu cầu của chương trình, dự án

Có thể chia theo quan hệ liên kết thành: liên kết ngang, liên kết dọc, liên kết “nhiều nhà”, liên kết khu vực...

1.4. Lợi ích của liên kết “4 nhà”

Liên kết tạo nên sức mạnh tổng hợp. Nhà doanh nghiệp đầu tư vật tư ban đầu cho nhà nông sản xuất, bao tiêu sản phẩm và tiêu thụ đầu ra với giá ổn định cho nhà nông an tâm. Nhà khoa học nghiên cứu tạo giống, quy trình sản xuất và đào tạo kỹ thuật cho nhà nông, nhà nông liên kết với nhà doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm. Nhà nông dựa vào vốn, chính sách, pháp luật của Nhà nước để sản xuất đúng hướng và có hiệu quả. Nhà nước cung cấp vốn thông qua ngân hàng, cung cấp thông tin, thị trường, có thể đứng ra tổ chức việc liên kết sản xuất và kinh doanh đi đúng hướng và có hiệu quả cho các “Nhà”. Mô hình “4 nhà” (Nhà nước, nhà nông, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp) là mối liên kết có thể phát huy sức mạnh tổng hợp của các “Nhà”, tận dụng có hiệu quả, tiềm năng, lợi thế của từng địa phương nhằm tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị cao, cạnh tranh tốt trên thị trường. Mô hình này giúp các nhà khoa học trực tiếp phục vụ nông dân, nông thôn, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, gắn khoa học hiện đại với sản xuất nông nghiệp.

Liên kết sẽ tạo tính quy mô, hiện đại, hạn chế rủi ro và hiệu quả sản xuất cao: Do có kế hoạch từ đầu về phương hướng sản xuất, giống kỹ thuật gì? Ai chịu trách nhiệm từng khâu thế nào, đầu ra ai bao tiêu? Giá cả được định sẵn có sự thống nhất từ đầu và thị trường đã được các doanh nghiệp định hướng theo các hoạt động kinh doanh thường xuyên của họ. Người sản xuất và người kinh doanh lên phương án và hoạch toán sản xuất, kinh doanh ngay từ đầu để biết được chi phí và lợi nhuận một cách chủ động.

Tăng chuỗi giá trị liên kết: Nói đến liên kết phải nói đến chuỗi giá trị hàng hóa từ nhà sản xuất, nhà chế biến đóng gói, nhà vận chuyển cuối cùng đến tay người tiêu dùng. Mỗi lần qua một tác nhân thì giá trị sản phẩm sẽ tăng thêm. Nếu đứt ở khâu nào thì việc liên kết sẽ thất bại. Trong chuỗi giá trị hàng hóa thì doanh nghiệp đóng vai trò là tác nhân cuối cùng trước khi sản phẩm đến tay người tiêu dùng.

Doanh nghiệp bán cái thị trường cần, nhà nông sản xuất ra hạt thóc, củ khoai, nhà nông không thể tự tìm thị trường. Nhà nông cần doanh nghiệp tìm đầu ra cho các sản phẩm nông sản. Thông qua các hoạt động liên kết sẽ mang lại lợi ích rõ rệt:

- Nhà nông có điều kiện tiếp cận vốn, các tiến bộ khoa học và công nghệ, được cung cấp vật tư nông nghiệp và được bao tiêu sản phẩm theo hợp đồng đã ký với doanh nghiệp, họ yên tâm và mạnh dạn đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao trình độ thâm canh.

- Nhà doanh nghiệp (đại lý vật tư, công ty bảo vệ thực vật, công ty lương thực, nhà máy, thương lái...), có nơi tiêu thụ vật tư, phân bón, xăng dầu, thuốc trừ dịch bệnh, có nguồn nguyên liệu ổn định, chủ động trong chế biến và tiêu thụ sản phẩm ở thị trường trong và ngoài nước.

- Nhà nước (chính quyền các cấp và các cơ quan quản lý nhà nước liên quan) tổ chức liên kết, triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ và nâng cao vai trò quản lý. Thông qua liên kết sản xuất của “4 nhà” nhà nước đã thực hiện tốt được những chủ trương chính sách của mình, nâng cao cuộc sống của người dân, phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm cho người lao động ở nông thôn, góp phần xoá đói giảm nghèo. Từng bước tăng thu nhập, tăng ngân sách thu từ hoạt động nông nghiệp.

- Nhà khoa học (cơ quan khuyến nông, cơ quan nghiên cứu, viện/trường, trạm/trại) có điều kiện nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ khoa học – kỹ thuật.

1.5. Nội dung liên kết

Liên kết trong chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật(giống, kỹ thuật, sản xuất,...).

Liên kết trong mua bán nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất kinh doanh như phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc thú y, thức ăn.

Liên kết trong vay vốn sản xuất.

Liên kết trong tiêu thụ sản phẩm.

1.6. Nguyên tắc tham gia liên kết

Quá trình liên kết kinh tế của các doanh nghiệp nói chung, của liên kết sản xuất và thương mại nói riêng đều phải tuân theo các nguyên tắc sau:

Một là, phải đảm bảo sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có hiệu quả ngày càng tăng.

Hai là, phải đảm bảo nguyên tắc tự nguyện giữa các bên tham gia liên kết.

Ba là, phải đảm bảo sự thống nhất hài hòa lợi ích kinh tế giữa các bên tham gia liên kết.

Bốn là, phải được thực hiện trên cơ sở có những ràng buộc pháp lý giữa các bên tham gia liên kết và thông qua hợp đồng kinh tế.

Năm là, đối với các tổ chức liên kết kinh tế, cần phải được tiến hành hoạt động thông qua “điều lệ” của tổ chức liên kết kinh tế đó.

2. Thực trạng môi liên kết “4 nhà” trong sản xuất nông nghiệp

2.1. Mô hình liên kết “4 nhà” tạo đà sản xuất hàng hóa nông nghiệp theo hướng chuyên canh và quy mô sản xuất ngày càng lớn, chất lượng cao

Trên cả nước đã hình thành các vùng sản xuất tập trung như: sản xuất lúa ở đồng bằng sông Cửu Long; vùng trồng cây công nghiệp ở Tây Nguyên, Đông Nam Bộ (cà phê, cao su, bông); vùng chè ở

trung du, miền núi phía Bắc; vùng trồng cây ăn quả ở đồng bằng sông Cửu Long... Các vùng sản xuất với số lượng, giá trị càng cao chẳng hạn như cà phê, cao su, điều, hạt điều... Điển hình là trong sản xuất lúa theo tiêu chuẩn GlobalGAP đã thu nhận được những thành công. Tại HTX nông nghiệp Mỹ Thành (xã Mỹ Thành, huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang) việc áp dụng hai giống lúa OM 6162 và lúa cẩm Cai Lậy. Khi các nhà khoa học đề xuất giống lúa này có tính thích nghi tốt, điều kiện sản xuất cả 3 vụ/năm, thời gian sinh trưởng ngắn, hàm lượng dinh dưỡng cao, chống được bệnh cháy lá, năng suất cao từ 4-6 tấn/ha, hạt gạo thon dài, cơm dẻo mềm bán được giá cao. Thực tế cho thấy vụ đông xuân thắng lớn người nông dân trúng mùa, năng suất bình quân 6 tấn/ha,... toàn bộ số lúa này được công ty ADC bao tiêu với

Bảng 1: Diện tích mô hình cánh đồng mẫu lớn ở Nam Bộ

Đơn vị tính: ha

Stt	Địa phương	HÈ THU 2011		ĐÔNG XUÂN 2011-2012		CỘNG
		DT đăng ký	DT thực hiện	DT đăng ký	DT thực hiện	
I	ĐNB	1.000	916	2.700	1.647	2.563
1	Ninh Thuận			150		
2	Bình Thuận			200		
3	Tây Ninh	1.000	916	2.000	1.647	2.563
4	Bình Dương			50		
5	Bình Phước			50		
6	Bà Rịa -Vũng Tàu			50		
7	Đồng Nai			150		
8	TP HCM			50		
II	ĐBSCL	7.370	6.887	16.180	18.077	24.964
1	Long An	540	450	2.800	2.026	2.476
2	Đồng Tháp	430	390	2.000	4.810	5.200
3	An Giang	300	3.857	5.000	5.500	9.357
4	Tiền Giang	1.000	222	350	626	848
5	Vĩnh Long	300	124	700	713	837
6	Bến Tre	100	47	500	0	47
7	Kiên Giang	800	480	1.320	1.320	1.800
8	Cần Thơ	400	195	1.510	1.832	2.027
9	Hậu Giang	300	50	250	150	200
10	Trà Vinh	900	762	1.000	1.100	1.862
11	Sóc Trăng	1.500	70	500		70
12	Bạc Liêu	500	240	250		240
13	Cà Mau	300	0	0		0
Tổng cộng		8.370	7.803	18.880	19.724	27.527

Nguồn: Bộ NN-PTNT

giá cao hơn các loại giống chất lượng cao từ 35% trở lên. Mô hình “Cánh đồng mẫu lớn” rộng 530 ha ở 2 huyện Tam Nông và Lập Vò, được công ty TNHH xuất nhập khẩu Thương Mại Võ Thị Thu Hà ở Đồng Tháp ký hợp đồng đầu tư và bao tiêu. Vì năng suất chất lượng lúa cao nên giá bán cao hơn giá thị trường 200 đồng/kg. Qui mô, số lượng thực hiện liên kết trên phạm vi cả nước đã có chuyển biến bước đầu, có khoảng 35 loại cây, con nông sản đã được nông dân thực hiện liên kết với doanh nghiệp chế biến với nhiều mức độ khác nhau bao gồm: Lúa, lúa nếp, lúa giống, ngô ngọt, ngô giống, bông vải, chè, mía, dứa, cao su, dâu tằm, tằm sắn, tiêu, điều, cà phê, đậu nành, sắn, khoai tây, khoai lang, vải thiều, hạt giống rau các loại, rau sạch các loại, dưa gang, dưa hấu, thuốc lá, nấm, chôm chôm, bưởi, cá ba sa, cá tra, tôm, heo, gà, bò sữa, cây lâm nghiệp.

2.2. Liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp đã có nhiều chuyển biến, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tham gia vào liên kết “4 nhà”

Các loại hình doanh nghiệp: doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hợp tác xã... bước đầu đã gắn kết nhà máy với nông hộ, góp phần làm giảm bớt thất thoát, nâng cao giá trị của nông sản. Các doanh nghiệp cũng hỗ trợ nông dân trong vấn đề đổi mới trang thiết bị. Theo kết quả phân tích số liệu tổng điều tra Doanh nghiệp 2006, ông Phạm Đình Túy - Vụ trưởng Vụ Công nghiệp, Tổng cục Thống kê, tổng số doanh nghiệp thực tế đang hoạt động trong lĩnh vực nông thôn là 39.414 doanh nghiệp, chiếm 30% số doanh nghiệp toàn quốc. Tổng số lao động của các doanh nghiệp vùng nông thôn là xấp xỉ 2,1 triệu người. Tổng số vốn của các doanh nghiệp khu vực nông thôn là 537,8 nghìn tỷ đồng. Chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ (có vốn dưới 10 tỷ đồng) 34.327 doanh nghiệp, chiếm khoảng 87,1%, còn lại là các doanh nghiệp lớn chiếm 12,9%. Có tới 92% số doanh nghiệp ngoài quốc doanh ở khu vực nông thôn là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Điển hình là các đơn vị thuộc Tổng công ty rau quả Việt Nam năm 2005 đã ký khoảng 4.516 hợp đồng với các hộ, nhóm hộ và hợp tác xã. Diện tích ký khoảng 10,5 nghìn ha, sản lượng thực tế thu mua đạt 80% so với hợp đồng. Với những số liệu thống kê mới nhất cho thấy rằng các doanh nghiệp đang có xu hướng đầu tư mạnh vào lĩnh vực nông nghiệp.

2.3. Liên kết trong cung ứng giống, vốn, vật tư và mua lại sản phẩm diễn ra khá phổ biến

Những khó khăn mà nhà nông gặp phải về giống chủ yếu là mua giống rất khó khăn - phải đi hàng trăm cây số để mua được giống theo chất lượng yêu cầu, số lượng giống ít không đủ đáp ứng nhu cầu của người dân và khi mua giống cần phải đăng ký trước nếu không thì không được ưu tiên. Giá giống thường đắt, nhưng khả năng kháng bệnh lại không được đảm bảo.

Nhìn chung các hình thức liên kết trong cung ứng giống khá đa dạng và chủ yếu là phi chính thống. Chủ yếu tiến hành giữa Nhà nông - Nhà nông, Nhà nông- Doanh nghiệp, Doanh nghiệp - Doanh nghiệp.

Trong liên kết nhà nông có xu hướng mua giống từ nhiều nguồn khác nhau: mua từ các hộ nông dân khác, mua từ hợp tác xã, hoặc doanh nghiệp. Liên kết trong cung ứng giống giữa các hộ nông dân với nhau diễn ra khá phổ biến nhưng chủ yếu tiến hành trao đổi giống (điển hình như sản xuất lúa ở Quỳnh Phụ, Thái Bình, sản xuất hoa ở Mê Linh- Hà Nội). Ưu điểm là chi phí thấp, thuận tiện có thể thanh toán trả chậm. Tuy nhiên chất lượng giống thường rất thấp, khi các hộ nông dân mua giống của doanh nghiệp thông qua hợp tác xã thì chất lượng giống thường tốt hơn, thời gian cung ứng đầy đủ và kịp thời, hình thức thanh toán có thể bằng tiền mặt hoặc ứng trước một phần.

Đối với liên kết giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp còn hạn chế, do vậy các doanh nghiệp chưa đa dạng hóa chủng loại giống. Liên kết giữa các nhà (Nhà nông- Doanh nghiệp) được tiến hành trực tiếp hoặc có thể tiến hành gián tiếp thông qua đại lý/ cửa hàng, hợp tác xã. Trong đó kênh liên kết có hợp tác xã (chính quyền) chiếm phổ biến.

Bên cạnh đó, mô hình liên kết nhà vườn- nhà khoa học - doanh nghiệp cũng giúp nhiều gia đình thoát nghèo. Nếu như bưởi Năm Roi giá bình quân từ 5.000- 7.000 đồng/kg thì bưởi da xanh từ 18.000- 30.000 đồng/kg có lúc lên đến 35.000 đồng/kg, phục vụ cho cả thị trường trong và ngoài nước ưa chuộng. Mô hình liên kết giữa Viện Nghiên cứu cây ăn trái miền Nam với nông dân xã Quới Sơn, Châu Thành (sản xuất bưởi), xã Phú Phụng, Chợ Lách, Bến Tre sản xuất chôm chôm cũng rất thành công. Đối với sản xuất thanh long theo tiêu chuẩn chất lượng cao, công ty TNHH Long Việt (Chợ Gạo Tiền Giang) đã thu mua 500 tấn thanh long, của 5 hộ chuyên thu mua thanh long có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm và 800 tấn thanh long không qua hợp đồng. Công ty mua với giá cao hơn giá thị trường và ứng vốn gần 1 tỷ đồng cho hộ kinh doanh, nông dân mua thuốc bảo vệ thực vật phục vụ sản xuất, xông đèn.

Như vậy việc liên kết trong sản xuất nông nghiệp thực sự đã lan tỏa được những điểm sáng và tránh được tình trạng “tới mùa- đội chợ- rớt giá” giúp cho sản phẩm nông sản Việt Nam đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

Nhìn chung nhà nông luôn thiếu vốn để sản xuất, do vậy họ phải vay mượn để duy trì hoạt động sản xuất. Chủ yếu là vay từ ngân hàng và nguồn tín dụng không chính thống. Đối với liên kết giữa nhà nông và doanh nghiệp (ngân hàng) thì quá trình diễn ra liên kết mức lãi suất cho vay của Ngân hàng tương đối cao, không được ưu đãi, thủ tục rườm rà là những vấn đề cản trở tiếp cận vốn của nhà nông. Trường hợp tương tự cũng xảy ra với các doanh nghiệp sản xuất với ngân hàng. Tỉnh Thái Bình có chính sách hỗ trợ xây dựng 9 mô hình cánh đồng mẫu lớn với tổng kinh phí là 26,2881 tỷ đồng trong 2 năm 2012- 2013, nhằm hỗ trợ xây dựng hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng, hỗ trợ kinh phí tập huấn và in sổ ghi chép đồng ruộng cho nông dân, phụ cấp cho cán bộ chỉ đạo, hỗ trợ kinh phí mua giống cho vụ sản xuất đầu tiên...

Ở nước ta, mặt dù Nhà nước đã có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp chế biến nông sản khi cổ phần hóa, có thể bán cổ phần ưu đãi cho nông dân, cho đến nay có rất ít doanh nghiệp thực hiện. Công ty CP mía đường Lam Sơn (Thanh Hóa) có vùng nguyên liệu ổn định 15.000 – 20.000 héc ta, và nông dân thực hiện tốt hợp đồng với công ty một phần là do nông dân trồng mía cũng được mua cổ phần chiếm 22,5% vốn điều lệ của công ty. Đây là lần đầu tiên ở nước ta người nông dân tham gia làm chủ doanh nghiệp. Việc góp đất, góp vốn sẽ tạo động lực để nông dân hăng hái tham gia sản xuất, hạn chế rủi ro, gắn kết với doanh nghiệp. Thực tế này cho thấy việc chưa mở rộng được hình thức nông dân mua cổ phần doanh nghiệp chế biến là một thiếu sót lớn làm cho liên kết thiếu cơ sở kinh tế để

tăng thêm tính bền vững.

2.4. Liên kết chuyển giao và hướng dẫn khoa học kỹ thuật cho nông dân diễn ra trên diện rộng

Phần đông nhà nông sản xuất, thâm canh dựa vào kinh nghiệm, tuy nhiên họ cũng nhận được sự hỗ trợ về khoa học kỹ thuật từ cán bộ khuyến nông, hoạt động khuyến nông (câu lạc bộ). Đồng thời, họ cũng nhận được kỹ thuật từ các nhà khoa học của Viện/Trường, ngay cả từ các đại lý vật tư nông nghiệp, các công ty thuốc bảo vệ thực vật. Nhìn chung phần lớn nông dân không gặp khó khăn về yếu tố kỹ thuật trong sản xuất.

Một số điển hình nổi bật về liên kết trong chuyển giao khoa học kỹ thuật giữa doanh nghiệp chế biến nông sản với nông dân như: Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật An Giang (AGPPS) triển khai Chương trình “Cùng nông dân ra đồng” ở nhiều tỉnh vùng ĐBSCL. Kết quả là, vụ Đông Xuân 2010-2011, Công ty ký kết với 443 hộ thực hiện cánh đồng mẫu ở các huyện Châu Thành, Châu Phú, Tri Tôn, Tịnh Biên, diện tích lên đến 1.076 ha. Bà con nông dân khi ký kết tham gia “Cánh đồng mẫu lớn” được Công ty đầu tư ứng trước giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật không tính lãi và cử cán bộ kỹ thuật xuống “Cùng nông dân ra đồng”.

Tham gia mô hình “Cánh đồng mẫu lớn”, tất cả nông dân cùng xuống giống một ngày, chăm sóc lúa theo quy trình “sạch”, thực hiện “Ba giảm, ba tăng”, “1 phải, 5 giảm” do Công ty đưa ra. Mỗi cánh đồng canh tác 1-2 giống lúa. Nông dân bắt buộc phải ghi chép sổ tay trong suốt quá trình sản xuất theo tiêu chuẩn Viet GAP (Tiêu chuẩn Việt Nam về thực hành nông nghiệp tốt).

Ý nghĩa của việc hợp tác liên kết với nông dân về mặt kỹ thuật sản xuất không chỉ mang lại cho doanh nghiệp chế biến một sức hấp dẫn với nông dân, tạo ra năng suất cao để có thêm nhiều nông sản hàng

Bảng 2: Hiệu quả kinh tế từ các mô hình cánh đồng mẫu lớn trong vụ hè thu 2011 tại một số địa phương

Tỉnh	Năng suất (tấn/ha)	Tổng lợi nhuận bình quân/ha (triệu đồng)	Lợi nhuận tăng thêm so với ngoài mô hình (triệu đồng)	Giá thành sản xuất lúa (đồng)	Giá thành giảm so với ngoài mô hình (đồng)	Giảm số lần phun thuốc BVTV (lần/vụ)
Đồng Tháp	6,00	16 – 18	2,3 – 2,5	2.493	120 – 300	1,7 – 2,5
Long An	7,00	15 – 20	2,5 – 3,0	2.860	150 – 250	2,2 – 2,6
Bạc Liêu	6,00	19 – 20	2,8 – 3,0	2.763	200 – 360	1,8 – 2,0
Tây Ninh	5,00	15 – 16	2,2 – 2,4	3.100	150 – 200	1,2 – 4,0
Trà Vinh	7,23	26 – 27	7,0 – 7,5	2.300	500 – 600	1,5 – 2,0

Nguồn: Cục trồng trọt- Bộ NN và PTNT

hóa bán cho doanh nghiệp, ổn định sản xuất mà quan trọng hơn là thông qua việc ứng dụng qui trình sản xuất tiên tiến để tạo ra chất lượng sản phẩm tốt hơn, an toàn hơn cho người tiêu dùng, nhờ đó gia tăng giá trị sản phẩm, tạo điều kiện cho doanh nghiệp mua sản phẩm của nông dân cao hơn giá thị trường cùng loại.

Trong liên kết về chuyển giao kỹ thuật, vai trò của nhà khoa học và Nhà nước là rất quan trọng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc liên kết trong chuyển giao kỹ thuật còn mang tính lý thuyết, chưa sát thực. Bên cạnh đó công tác tổ chức, hình thức tiến hành tạo ra sự liên kết còn chưa hiệu quả thiết thực. Việc thực hiện công tác dự báo dịch bệnh, thị trường chưa tốt và kịp thời.

Thực tiễn trên đây đã chứng minh rằng cần và có thể tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng kết hợp liên kết kinh tế với ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất để tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng.

2.5. Vai trò của Nhà nước dần được khẳng định trong vấn đề điều hành và tạo hành lang pháp lý cho các “nhà” khác liên kết

Nhà nước với tư cách là “nhạc trưởng” tạo thuận lợi về hành lang pháp lý, cung ứng tín dụng, xây dựng các quỹ bảo hiểm rủi ro, quỹ hỗ trợ xuất khẩu... Tính chung ba năm từ 2009 - 2011, tổng vốn đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn đạt gần 290 ngàn tỉ đồng, chiếm 52% tổng vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Nhà nước và trái phiếu Chính phủ. Riêng năm 2011, mặc dù thu ngân sách gặp nhiều trở ngại, nhưng dự toán ngân sách Nhà nước cho nông nghiệp, nông thôn vẫn cao gấp 2,2 lần năm 2008.

Nhờ những chủ trương, chính sách đó, nông nghiệp đã tiếp tục phát triển nhanh, với số lượng sản phẩm hàng hoá lớn, hình thành vùng sản xuất chuyên canh gắn với chế biến, tạo ra sản phẩm hàng hoá có tính cạnh tranh trên thị trường quốc tế như cao su, cà phê, điều, lúa gạo... góp phần giúp nhiều nông hộ thoát nghèo, và cũng làm xuất hiện nhiều “tỷ phú nông dân” ở nhiều vùng, miền trong cả nước. Tuy nhiên trên thực tế vẫn có nơi triển khai thực hiện không đồng bộ, thiếu nhất quán; nhiều chính sách ra đời còn bất cập, chậm đổi mới.

Điển hình tại Thiệu Hóa, Thanh Hóa chính quyền địa phương đã có chính sách hỗ trợ vùng chuyển đổi sản xuất lúa giống để việc sản xuất được phát triển bền vững. Tổng vốn đầu tư là 22 triệu đồng/ha, ngân sách tỉnh, huyện hỗ trợ 15 triệu đồng/ha. (Tổng số 80 ha là 1.1120 triệu đồng) xây dựng cơ sở hạ tầng và các cơ sở vật chất khác (hỗ trợ 7.000m²

sân kho, hỗ trợ xây dựng 2 lò sấy lúa và 10 km đê bê tông cấp phối). Phần còn lại, xã hỗ trợ 25%, hợp tác xã đóng góp 5% và các hộ nông dân góp 75% (theo chương trình kiên cố hóa kênh mương).

3. Những tồn tại, hạn chế của liên kết sản xuất nông nghiệp

Hạn chế trong các nội dung liên kết

Tỷ lệ nông sản được tiêu thụ qua hợp đồng không cao. Nhiều địa phương, nhiều loại hàng hóa hầu như không thực hiện ký kết qua hợp đồng (rau màu, hoa quả...);

Tình trạng nông dân bẻ kèo, cố tình bán nông sản cho thương lái, phá vỡ hợp đồng;

Nhiều doanh nghiệp chưa tôn trọng lợi ích của người dân. Chiếm thế độc quyền, ép giá thu mua nông sản, thanh toán chậm.

Trong việc cung cấp vốn, giống, phòng trừ dịch bệnh chưa tạo được niềm tin gắn kết giữa nhà khoa học, nhà nông, nhà doanh nghiệp.

Hạn chế của các “Nhà” tham gia liên kết

Các yếu tố từ Nhà khoa học

Thiếu đội ngũ cán bộ, kỹ thuật có trình độ cao, lực lượng tham gia mỏng nên chưa bao phủ được trên diện rộng. Đáp ứng nhu cầu học hỏi của Nhà nông. Cách thức tổ chức chuyển giao công nghệ chưa hiệu quả. Việc tập huấn thông qua các lớp học, các chương trình huấn luyện, nội dung còn nghèo nàn, nhiều lý thuyết xa rời thực tế.

Các cơ quan chuyên môn như Viện nghiên cứu, trường đại học còn chưa thực sự gắn giữa nghiên cứu khoa học với sản xuất; chưa có kế hoạch cụ thể gắn kết với doanh nghiệp, người sản xuất trong quá trình sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Vì vậy, mối liên kết giữa nông dân, doanh nghiệp với các nhà khoa học còn lỏng lẻo.

Các yếu tố từ Nhà nông

Người nông dân còn nhiều hạn chế về liên kết, về hợp đồng, trách nhiệm liên kết, họ nhìn đến cái lợi trước mắt mà không nhìn lâu dài. Họ sợ sự ràng buộc về mặt pháp lý khi ký kết hợp đồng. Trong nhiều trường hợp đã ký hợp đồng rồi nhưng được đối tượng khác thu mua giá cao, họ vẫn đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Các hộ nông dân không đáp ứng được yêu cầu về chất lượng sản phẩm. Chất lượng sản phẩm nông sản không cao. Tỷ lệ sâu bệnh, chám bón, quy trình phun thuốc không đạt yêu cầu... do vậy các doanh nghiệp không thể thu mua, tỷ lệ thải loại khá cao.

Sản xuất của các hộ nông dân vẫn tự phát, không

tập trung, quy mô kinh tế của hộ còn nhỏ, diện tích manh mún, không tập trung sản xuất.

Tư tưởng thay đổi phương thức sản xuất của hộ rất ít, hầu như không đầu tư khoa học kỹ thuật.

Trình độ sản xuất, quản lý của người nông dân vẫn mang tính tiểu nông, chưa đáp ứng kịp kiến thức theo yêu cầu sản xuất hàng hóa. Tiềm lực sản xuất, tiềm lực kinh tế của hộ nông dân còn thấp, thiếu thông tin thị trường, các kiến thức về pháp luật, trong khi đó thiếu sự hỗ trợ của Nhà nước, của các tổ chức của nông dân.

Tóm lại, nhận thức của liên kết sản xuất của hộ nông dân rất kém, chính các lý do chính trên đã khiến cho việc liên kết còn hạn chế. Do đó, để nâng cao được thực trạng này cần nâng cao ý thức của nông dân về liên kết một cách sâu sắc.

Các yếu tố từ doanh nghiệp

Vào thời điểm nông vụ, các doanh nghiệp thường có nhiều sự lựa chọn thu mua sản phẩm do vậy các doanh nghiệp giảm giá không thông báo cho nông dân, trong khi thu mua gây nhiều khó dễ...

Các chế tài mà doanh nghiệp đưa ra hiện nay chưa thực sự có hiệu lực do vậy tình trạng hợp đồng miệng vẫn diễn ra phổ biến.

Các doanh nghiệp chưa chủ động trong việc liên kết, do vậy chưa quy hoạch vùng nguyên liệu, phối kết hợp với các địa phương, hộ nông dân.

Các doanh nghiệp chạy theo lợi nhuận, cung cấp vốn, phân bón, vật tư kém chất lượng để cho sản xuất của nông dân bị thất thoát, làm ảnh hưởng đến uy tín của các “nhà khác” trong mỗi liên kết.

Nhiều doanh nghiệp chưa có chiến lược kinh doanh, đặc biệt chiến lược về thị trường nên chưa gắn được sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp với người sản xuất và vùng nguyên liệu; chưa đặt lợi ích của người sản xuất hài hòa với lợi ích của doanh nghiệp; chưa tích cực đổi mới cơ chế tổ chức quản lý phù hợp với phương pháp làm ăn mới; chậm đổi mới công nghệ nên năng lực cạnh tranh, năng lực sản xuất còn nhiều hạn chế; thiếu cán bộ nông vụ, mạng lưới thu gom nông sản đến người nông dân dẫn tới việc thực hiện liên kết với nông dân còn nhiều khó khăn.

Các yếu tố từ Nhà nước

Công tác chỉ đạo tổ chức sản xuất hiệu quả chưa cao, đặc biệt trong công tác quy hoạch sản xuất; chỉ đạo dồn điền đổi thửa, tập trung và tích tụ ruộng đất. Đến nay, đất sản xuất của hầu hết các hộ nông dân còn manh mún, phân tán nên khó khăn trong việc quy hoạch các vùng sản xuất hàng hoá tập chung

cũng như việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Ở nhiều nơi chưa có hợp tác xã, tổ hợp tác, nơi có thì chưa thực hiện được vai trò hỗ trợ nông dân tiêu thụ sản phẩm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của thành viên hoặc thực hiện nhưng còn rất yếu và mờ nhạt.

Nguyên nhân của những tồn tại

- Chính sách về liên kết chưa hoàn thiện, đồng bộ.
- Cơ sở hạ tầng (giao thông, thủy lợi...) còn hạn chế gây khó khăn cho phát triển sản xuất kinh doanh của các Nhà.
- Trình độ học vấn của các nhà tham gia liên kết còn yếu kém.
- Sự tin tưởng gắn kết của các nhà còn lỏng lẻo.
- Nguồn lực và đầu tư của các nhà còn hạn chế.
- Ràng buộc liên kết chưa được Nhà nước bảo hộ.

4. Một số biện pháp nhằm tăng cường liên kết có hiệu quả

Từ những phân tích tình hình thực trạng trên cho thấy những lợi thế và thách thức đối với liên kết sản xuất nông nghiệp, nhất là trong giai đoạn tái cơ cấu và phát triển nông nghiệp hiện đại.

4.1. Nâng cao trình độ, năng lực liên kết của các Nhà

Đối với các hộ nông dân, trình độ hạn chế nhất về liên kết, hợp đồng, trách nhiệm liên kết. Do vậy thông qua các lớp học để tập huấn và các buổi nói chuyện chuyên đề nhằm phổ biến những kiến thức cần thiết nhất. Tăng cường công tác tập huấn kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh.

Đối với Doanh nghiệp, trình độ và năng lực chuyên môn còn yếu (nhất là cán bộ kỹ thuật, do vậy cần mở lớp nâng cao năng lực tiếp cận thị trường cho các chủ doanh nghiệp...

Đối với Nhà khoa học: Cần tập huấn nâng cao khả năng tiếp cận thị trường cho đội ngũ khoa học, chuyên sâu về kiến thức và phương thức chuyển giao công nghệ kỹ thuật. Nội dung cần phải sát thực tế, giải đáp các vấn đề Nhà nông thắc mắc.

Quan trọng hơn cả là các bên tham gia liên kết cần tin tưởng và tôn trọng vai trò của nhau, tránh tình trạng chầm dứt hợp đồng gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm và hủy liên kết. Công tác triển khai, phổ biến, tuyên truyền, vận động nông dân, các doanh nghiệp, cán bộ quản lý nhà nước thực thi nhiệm vụ liên quan Quyết định 80 và các chủ trương chính sách về tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng như vấn đề tranh mua tranh bán (Luật cạnh tranh),

chế tài xử lý vi phạm hợp đồng (Luật thương mại, Luật dân sự)... còn rất yếu. Ở nhiều nơi, nông dân và các tổ chức của nông dân (hợp tác xã, tổ hợp tác), hiệp hội... còn chưa biết các nội dung chính sách về tiêu thụ sản phẩm. Những địa phương có truyền thống, phổ biến còn nặng tính hình thức, chủ yếu mới chỉ dừng ở cấp tỉnh, chưa được triển khai mạnh đến cấp huyện và đặc biệt là cấp xã. Những điển hình liên kết giữa người sản xuất với doanh nghiệp về sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ thông qua hợp đồng chưa được phổ biến và nhân rộng.

4.2. Giải pháp về vốn, tín dụng, giá

Đối với Nhà nông: Cần tạo điều kiện để Nhà nông tiếp cận với vốn, thủ tục không phức tạp, lãi suất ưu đãi... từ Ngân hàng. Nên khoanh vùng lựa chọn những Nhà nông sản xuất hiệu quả để cho vay ưu đãi, thời hạn dài, cần có chính sách giãn nợ, giảm lãi suất khi chủ thể gặp rủi ro trong sản xuất kinh doanh

Đối với doanh nghiệp: Nên khuyến khích các doanh nghiệp được vay vốn để tham gia và mở rộng sản xuất nông nghiệp. Giảm thuế đến mức thấp nhất cho doanh nghiệp.

4.3. Hoàn thiện công tác quy hoạch và cần định hướng lựa chọn các mặt hàng nông sản chiến lược

Cần quy hoạch chi tiết và tổng thể về các vùng chuyên canh cây, con phù hợp với điều kiện của vùng và của từng địa phương, tập trung quỹ đất tạo nên vùng sản xuất có diện tích lớn, có đại diện của nông dân ký kết hợp đồng sản xuất với doanh nghiệp để giảm bớt rủi ro cho nông dân. Đồng thời, cần tăng cường hỗ trợ cho các doanh nghiệp mũi

nhọn và nông dân để thúc đẩy cho toàn chuỗi phát triển. Quy hoạch các trung tâm nhân giống để ổn định sản xuất, cơ sở hạ tầng phục vụ cho việc gắn sản xuất và chế biến.

4.4. Nâng cao năng lực tổ chức và quản lý

Để duy trì và mở rộng phát triển các dạng hình tổ chức sản xuất, hoạt động có hiệu quả và ngày càng phát triển, chú ý phát triển kinh tế hộ, việc nâng cao năng lực tổ chức và quản lý cho nông dân là rất cần thiết. Nâng cao năng lực tổ chức quản lý gồm: đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý tổ nhóm cho các Tổ, Câu lạc bộ, HTX; Tập huấn nâng cao năng lực quản lý kinh tế cho các hộ nông dân và các tổ chức này,...

Đề xuất kiến nghị chính sách nhằm tăng cường liên kết:

- Cần xây dựng hệ thống chính sách liên kết các nhà với các nội dung cụ thể như: chính sách liên kết về giống, vốn, phân bón,...

- Đẩy nhanh chính sách dồn điền, đổi thửa từ đó tạo điều kiện sản xuất quy mô lớn tăng cường liên kết của Nhà khoa học.

- Cần đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm triển khai các mô hình trình diễn, các công trình của các nhà khoa học, cung cấp máy móc hiện đại để các Nhà khoa học có thể tiến hành nghiên cứu, sớm áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

- Cần bổ sung, hoàn thiện chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn của các Nhà.

- Thực hiện chính sách bảo hiểm và hỗ trợ cho nông nghiệp phòng tránh rủi ro. □

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Văn Sánh, Phân tích và đánh giá mối quan hệ “4 nhà” và đề xuất các biện pháp cho sản xuất và tiêu thụ lúa ở đồng bằng sông Cửu Long. Báo cáo tổng kết đề tài khoa học và công nghệ cấp bộ. Tháng 3- 2011.
2. Nguyễn Công Thành, Một vài suy nghĩ về liên kết “4 nhà” trong sản xuất nông nghiệp. Viện nghiên cứu Lúa DBSCL.
3. Nguyễn Duy Cần, Võ Hồng Tú, Nguyễn Văn Sánh: Liên kết “4 nhà” trong sản xuất và tiêu thụ lúa gạo: trường hợp nghiên cứu ở tỉnh An Giang. Tạp chí khoa học 2011:20a 220-229. Trường Đại học Cần Thơ.
4. Ngọc Quang (2004). Liên kết 4 ‘nhà’ trong nông nghiệp còn lỏng lẻo. Báo Vnexpress. Truy cập tại <http://vnexpress.net/gl/kinh-doanh/2004/01/3b9ce97e/> vào ngày 21/2/2011.
5. Bùi Sỹ Tiểu, Mô hình sản xuất nông nghiệp nào phù hợp cơ chế thị trường và quá trình CNH-HĐH.
6. Vũ Huy Từ-GS.TSKH- “ Nhìn lại vấn đề liên kết...” NXB NN HH.
7. Nghị định số 80/2002/QĐ – TTg ngày 24/6/2002; Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy, Ban chấp hành TW Đảng khóa X.
8. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2008), Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện quyết định số 80/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng-NXB NN Hà Nội.